

Số: 617/GPMT - UBND

Lào Cai, ngày 23 tháng 3 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án: Dự án đầu tư nâng cấp bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2);

Xét đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai tại Văn bản 407/BQL-DA2 ngày 28/7/2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2); Văn bản số 51/BQL-DA2 ngày 14/2/2023 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án: Dự án đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2) theo thông báo số 2258/STNMT-MT.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 83/TTr-STNMT ngày 24/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai, địa chỉ Km3- Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường Dự án đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2).

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Phú Thịnh 1, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo

Thăng, tỉnh Lào Cai

1.3. Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai. Dự án đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 với mức vốn đầu tư 67 tỷ đồng. Sau đó được đề xuất điều chỉnh và được phê duyệt tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND tỉnh ngày 19/6/2022 của HĐND tỉnh với tổng vốn đầu tư sau khi điều chỉnh là 75.000.000.000 đồng.

1.4. Mã số thuế: 5300220679

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng và cung cấp dịch vụ y tế của bệnh viện đa khoa.

1.6. Phạm vi, quy mô, của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích: 1,7 ha.

- Tổng số giường bệnh sau đầu tư nâng cấp: 500 giường bệnh.

- Kinh phí đầu tư dự án: 75.000.000.000 đồng.

- Quy mô: Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo

đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Bảo Thắng và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ..23. tháng 3 năm 2023 đến ngày 23. tháng 3 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan; UBND huyện Bảo Thắng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường ;
- UBND huyện Bảo Thắng;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh (03 bản);
- Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng (02 bản);
- CVP, PCVP3;
- Công TTĐT tỉnh Lào Cai;
- Lưu: VT, TNMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hải

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 6.17/GPMT-UBND
 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, xét nghiệm, tiệt trùng, diệt khuẩn dụng cụ y tế với lưu lượng 187,5 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm các chất lơ lửng (TSS), COD, BOD₅, tổng Nitơ (N), Phốtpho (P) vi sinh vật và vi khuẩn gây bệnh.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, nhân viên người lao động, bệnh nhân và người nhà với lưu lượng khoảng 157,5 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng (TSS), COD, BOD₅, tổng Nitơ (N), Phốtpho (P), Amoni, coliform và các tạp chất khác.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải nhà bếp phát sinh từ khu vực căng tin nhà ăn, lưu lượng khoảng 30 m³/ngày đêm. Thành phần của nước thải này có chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), COD, BOD₅, tổng Phot pho, tổng Ni tơ và các tạp chất.

2. Tổng lưu lượng xả thải tối đa: 380 m³/ngày.đêm

3. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

3.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng trên đường Tuệ Tĩnh, Tổ dân phố Phú Thịnh 1, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí đầu nối xả thải: Đường Tuệ Tĩnh, tổ dân phố Phú Thịnh 1, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 3) X(m)=2468886; Y(m)=442308

3.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 380 m³/ngày.đêm.

3.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cụ thể như sau:



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 28:2010/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	100	
4	Tổng cặn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	S ₂ ⁻ (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/l	10	
7	NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/l	50	
8	PO ₄ ⁻ (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	
12	Tổng Coliforms	MPN / 100 ml	5000	
13	Salmonella	CFU/100ml	KPH	
14	Shigella	CFU/100ml	KPH	
15	Vibrio Cholerae	CFU/100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế và nước thải nhà ăn được thu gom đường ống có kích thước D110, D140 và D160 đưa về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện (trạm xử lý 100 m³/ng đêm và trạm xử lý 280m³/ng đêm). Bố trí hệ thống rãnh thoát nước có tổng chiều dài 350 m, rãnh thoát nước được thiết kế là loại công hộp có bản đáy (kích thước mặt rộng 40cm sâu 50cm) và công tròn có đường kính D160 trên hệ thống rãnh thoát nước bố trí 5 hố ga, khoảng cách các hố ga từ 60m/hố.

- Hướng tuyến số 1: Nước thải y tế được thu gom từ các khoa nội + khoa nhi, nhà khoa chống nhiễm khuẩn, nhà khám chữa bệnh nội trú tại tòa nhà 07 tầng (giai đoạn 1) và tòa nhà 8 tầng (giai đoạn 2) được thu gom bằng đường ống D160 sau đó tự chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau xử lý

đạt quy chuẩn được đưa ra cửa xả trên đường Tuệ Tĩnh theo đường ống D200, rãnh thoát nước D800.

- Hướng tuyến số 2: Nước thải sinh hoạt được thu gom theo các tuyến đường ống D160 vào bể tự hoại, từ bể tự hoại các khoa nội + khoa nhi, nhà khoa chống nhiễm khuẩn, nhà khám chữa bệnh nội trú tòa nhà 07 tầng (giai đoạn 1) và tòa nhà 8 tầng (giai đoạn 2) qua đường ống D160 chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được đưa ra cửa xả trên đường Tuệ Tĩnh theo đường ống D200, rãnh thoát nước D800.

- Hướng tuyến số 3: Nước thải nhà bếp (khu nhà nấu nướng phục vụ cho bệnh viện) được thu gom bằng đường ống D160 đưa đến bể tách mỡ sau đó qua đường ống D160 về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn được đưa ra cửa xả trên đường Tuệ Tĩnh theo đường ống D200, rãnh thoát nước D800.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1 Xử lý nước thải sinh hoạt:

Tổng số công trình xử lý nước thải sinh hoạt gồm: 6 bể tự hoại với tổng dung tích 181 m³, trong đó:

- Khối nhà 7 tầng (giai đoạn 1): 2 bể và giữ lại 3 bể tự hoại ngậm của các khoa phòng bệnh viện cũ (gồm 02 bể khoa nội+nhi; 01 bể khoa chống nhiễm khuẩn với tổng dung tích: 96 m³).

+ Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Khối nhà 8 tầng (giai đoạn 2): 01 bể, với tổng dung tích: 85 m³.

+ Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn → hệ thống xử lý nước thải tập trung

1.2.2. Trạm xử lý nước thải tập trung:

1.2.2.1. Trạm xử lý công suất 100 m³/ngày đêm (tòa nhà 07 tầng)

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải y tế và nước thải sinh hoạt, nước thải nhà bếp sau khi được xử lý sơ bộ được đưa tới Bể gom nước → bể điều hòa → Bể lắng sơ bộ → Bể yếm khí → Bể Anoxic → Bể hiếu khí → Giá thể lưu động MBBR → Khử trùng → Hệ thống rãnh thoát nước thải trong Bệnh viện → Xả ra ngoài môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: dinh dưỡng (540 kg/năm), Polymer 720 (kg/năm)

1.2.2.2. Trạm xử lý công suất 280 m³/ngày đêm (tòa nhà 08 tầng)

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải y tế và nước thải sinh hoạt, nước thải nhà bếp sau khi được xử lý sơ bộ đưa về bể gom nước → bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Hiếu khí (aerotan) → Hệ thống cấp khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể lắng đứng → Bể khử trùng → Hệ thống rãnh thoát nước thải trong Bệnh viện → Xả ra ngoài môi trường.

R

+ Hóa chất sử dụng: dinh dưỡng (720 kg/năm), Polymer (1800 kg/năm), javen (500 kg/năm)

1.2.3. Hệ thống thu gom xử lý nước thải trạm rửa xe phương tiện ra vào công trường: Rãnh gom nước thải đưa về bể lắng của hệ thống này có dung tích là 4,0 m³.

- Nguyên lý hoạt động: Xe chở vật liệu được đưa lên cầu rửa xe, dưới áp lực của vòi nước các chất bẩn bám trên xe và thùng xe theo đường nước chảy xuống rãnh thu gom, phần nước thải này sẽ được đưa tới bể lắng có dung tích là 4,0 m³.

- Hóa chất sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị trắc nước thải dự động liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn;

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống thoát nước theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng, nghiêm cấm xe qua lại tại nơi lắp đặt đường ống thoát nước.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn nhằm đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Định kỳ thực hiện thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực định kỳ tiến hành hút hầm cầu, bùn thải tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Bố trí máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Bố trí bể phòng ngừa sự cố dung tích 42 m³ ngầm cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án gửi về UBND tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.



2.2. Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ 3 – 6 tháng

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 280 m³/ngày. đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung
- Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung (cửa xả ra ngoài môi trường)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Thông số: Lưu lượng; pH; BOD₅; COD; TSS; Tổng Sunfua (S₂⁻ tính theo H₂S); NH₄⁺ (tính theo N); NO₃⁻ (tính theo N); PO₄⁻ (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật; Tổng hoạt độ phóng xạ α; Tổng hoạt độ phóng xạ β; Tổng Coliforms; Salmonella; Shigella, Vibrio Cholerae.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K=1) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế

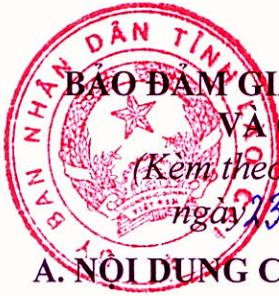
2.3. Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chủ đầu tư tự quyết định việc quan trắc chất thải nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình triển khai thi công, vận hành của Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án, đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải (hệ thống thoát nước chung của thị trấn Phố Lu tại đường Tuệ Tĩnh); xây dựng hố ga nước thải sau xử lý, thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát.

3.3. Đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường, cụ thể quy định tại mục 2.3.3 Phần A tại phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 617.../GPMT-UBND

ngày 23 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực lắp đặt máy phát điện của Bệnh viện (Khu vực kho chứa chất thải và trạm xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện- Gần cổng sau bệnh viện tại đường Tuệ Tĩnh).

- Nguồn số 02: Khu vực nhà để xe của Bệnh viện (Cổng chính ra vào của Bệnh viện giáp đường Cách Mạng Tháng 8).

- Nguồn số 03: Khu vực thi công xây dựng, tháo dỡ công trình cũ do các phương tiện trong quá trình thi công dự án, gồm: Xe đóng cọc, máy khoan lỗ, xe tải, máy xúc, máy đầm, máy kéo, máy ủi, máy trộn bê tông, máy phát điện, máy rung, máy lu.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

- Vị trí số 1: Tại khu vực Kho chứa chất thải, trạm xử lý nước thải tập trung cổng sau của bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng tại đường Tuệ Tĩnh: X(m)=2468871; Y(m)=442325

- Vị trí số 2: Khu vực nhà để xe của Bệnh viện (Cổng chính ra vào của Bệnh viện giáp đường Cách Mạng Tháng 8): X(m)=2468564; Y(m)=442359

- Vị trí số 3: Khu vực xây dựng nhà 8 tầng của Bệnh viện: X(m)=2468798; Y(m)=442351

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày	Mức gia tốc rung cho phép, dB	Ghi chú
1	06 giờ - 21 giờ	60	Khu vực đặc biệt
	21 giờ - 06 giờ	55	

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 26:210/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng để tránh ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực; chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động ảnh hưởng của dự án.



Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 617/GPMT-UBND
ngày 23. tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại lây nhiễm phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn kim tiêm, chất thải không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, chất thải sau phẫu thuật)	13 01 01	15.200

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	100203	750
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại chất thải có chứa thủy ngân	160106	30
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ thải và nhiễm thành phần nguy hại	180201	80
4	Bình mực từ máy in, máy photo	080204	20
5	Dầu thải	170601	30
	Tổng		910

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động thường ngày của nhân viên y tế, bệnh nhân, người nhà	-	142.350
2	Chất thải rắn thông thường không được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế		22.274
2.1	Chất thải là vật liệu nhựa, không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa	130105	1.265

	vi sinh vật gây bệnh, không chứa yếu tố nguy hại		
2.2.	Chất thải là vật liệu giấy không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, vi sinh vật gây bệnh hoặc không có yếu tố nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại	130105	5.384
2.3	Chất thải là vật liệu thủy tinh không dính, chứa các loại thuốc, hóa chất thuốc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; không thấm, dính, chứa máu của cơ thể, không chứa vi sinh vật gây bệnh	130105	15.625
	Tổng		164.624

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Gồm 140 thùng chứa rác thải chuyên dụng, dung tích 10- 20 lít dạng nhựa chuyên dùng chống ăn mòn; có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng. Trong đó tại khu nhà 8 tầng bố trí 60 chiếc; nhà 7 tầng 50 chiếc; còn lại 30 chiếc bố trí tại các khu vực khác trong bệnh viện.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH):*

- *Kho chứa chất thải diện tích:* 12 m²

- *Thiết kế, cấu tạo:* Tường gạch xây gạch trát vữa xi măng mác 75mm ốp gạch chống thấm chống ăn mòn, có diện tích 12m² chiều dài 4m rộng 3m và cao 3m mái lợp tôn dày 1mm.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Trong kho bố trí 6 thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt được dán nhãn mác và mã số CTNH. Có đầy đủ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:* Gồm 170 thùng chứa rác thải chuyên dụng dung tích 30- 50 lít dạng nhựa chuyên dùng chống ăn mòn; có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong

quá trình sử dụng. Trong đó tại khu nhà 8 tầng bố trí 80 chiếc; nhà 7 tầng 60 chiếc, còn lại 30 chiếc bố trí tại các khu vực khác trong khuôn viên bệnh viện.

2.2.2. Kho lưu chứa chất thải thông thường:

- Diện tích nhà kho: 12 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch xây gạch trát vữa xi măng mác 75mm, có diện tích 12m² chiều dài 4m rộng 3m và cao 3m mái lợp tôn dày 1mm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 02/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 617/GPMT-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án.

2. Trong quá trình thi công xây dựng

2.1. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường bụi, khí thải

- Sử dụng các máy thi công mới, phát thải lượng khí ít; tiến hành thi công tập trung, thi công dứt điểm từng công đoạn, tránh kéo dài thời gian.

- Quá trình đào đắp: Thực hiện theo phương án đào đến đâu được tập kết và đổ san gạt trong ngày.

- Thực hiện các giải pháp che chắn công trường thi công (sử dụng tường tôn cao 3 m bao quanh khu vực xây dựng nhà điều trị theo yêu cầu).

- Bố trí công nhân quét và thu dọn vật liệu, bùn đất rơi vãi từ quá trình vận chuyển.

- Phun nước tưới ẩm nhằm giảm thiểu bụi khu vực thi công phát tán vào môi trường. Phun nước vào thời điểm buổi sáng và chiều đặc biệt là khi thời tiết khô, nóng. Tần suất tưới nước: Từ 02 đến 04 lần/ngày thời tiết nắng nóng. Tại tuyến đường khu vực phương tiện vận chuyển phục vụ dự án (bán kính 2km đường bao quanh bệnh viện, đường Võ Nguyên Giáp) đảm bảo mặt đường ẩm khi xe vận chuyển đi qua nhằm hạn chế lượng bụi phát tán ra môi trường xung quanh trong những ngày nắng gió.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong quá trình thi công xây dựng, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

- Các xe vận chuyển được che chắn, phủ bạt kín, tránh rơi vãi nguyên vật liệu dọc đường sẽ làm tăng nồng độ bụi. Vật liệu rời, chất thải xây dựng không được xếp, đổ cao quá thành thùng xe, đảm bảo vật liệu rời, chất thải chuyên chở không rơi vãi ra đường.

- Tiến hành bốc dỡ đúng nơi quy định tại vị trí tập kết nguyên vật liệu. Trong thời gian bốc dỡ hạn chế những người không liên quan ra vào khu vực để tránh tác động của bụi.

- Bố trí trạm/cầu rửa xe tại vị trí gần khu vực công ra vào công trường để vệ sinh bánh xe và gầm xe trước khi xe ra khỏi công trường nhằm hạn chế bụi phát sinh do đất dính vào bánh xe. Xe vận chuyển sau khi vận chuyển nguyên vật liệu đến và đi sẽ được làm sạch lốp và gầm xe trước khi ra khỏi công trường.

2.2. Các yêu cầu về giải pháp giảm thiểu chất thải rắn

- Thực hiện đúng các quy định về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Nước chảy tràn bề mặt và nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng

- Quản lý thu gom xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng phát sinh do xây dựng hạng mục nhà điều trị theo yêu cầu đảm bảo nước thải xử lý đạt quy chuẩn tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Bố trí hệ thống thu gom nước mặt hồ lắng và nạo vét vệ sinh thường xuyên đảm bảo vệ sinh môi trường

3. Trong quá trình dự án đi vào hoạt động

3.1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/1022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định; thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của địa phương.

3.2. Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn giao thông và các quy định pháp luật có liên quan; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Nghiêm túc vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo không để xảy ra sự cố môi trường, kiến nghị của người dân khu vực xung quanh dự án.

3.4. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật BVMT; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.